

DANH SÁCH KHĐNG ỹ T T` T NGHI` P

H` c k82 Nłm h` c: 2014-2015

Cao Lđng Chđnh quy (CN), ng`nh , kh` a 2012 - 2015

ng`y ; L` p 12741; M« TC: TN12741

S` Tđn Ch` Tđch Lđy Chung 115

ỹ iWh Trung Bđnh Tđch Lđy 5.00

STT	Mã SV	H` v` t`n		T`n l` p	STC	TBTL	Mã MHBB	T`n m`n h` c	TC	BBTC	NHHK	ỹ TK
1	12741001	Lq DUY QU` C	ANH	12741	67	6.11	BAEL340662	ỹ i`n t` chbłh	4		2014-2015-HK02	2.0
							COEL330264	ỹ i`n t` th`ng tin	3		2014-2015-HK02	1.3
							ELCI240144	Mđch Lđ`n	4		2014-2015-HK01	3.3
							ELSA320245	An to`n Lđ`n	2		2013-2014-HK01	2.1
							IEET130145	Nhđp m`n ng`nh	3		-	0.0
							MATH130101	Tođn cao chđp A1	3		2012-2013-HK01	1.4
							MATH130401	Xđc suđđ th`ng k` .. ng đ, ng	3		2014-2015-HK02	3.8
							MICR330363	Vi x` lđ	3		2014-2015-HK02	3.2
							PHYS130102	Vđđ lđ Lđ cđng 1	3		2012-2013-HK01	2.7
							PLCS330846	ỹ iQu khiWh lđp trđnh	3		2013-2014-HK02	2.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
1	12741001	Lê DUY QUÝC	ANH	12741	67	6.11	PMEN310344	Thủ tục tiếp nhận: thu thập	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên tắc công nghệ	3		-	0.0
							PPLC321346	Thủ tục tiếp nhận: khi xử lý	2		-	0.0
							PRDI320263	Thủ tục tiếp nhận: thu thập	2		2013-2014-HK02	1.0
							SISY320364	Tên hiệu và hình thức	2		2012-2013-HK02	2.8
							TESY331064	Hình thức và nội dung	3		2014-2015-HK01	3.3
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	2.3
							02	Nhóm TC 02		02		
2	12741020	HỒ QUANG	BÌNH	12741	29	5.77	AIET314763	Chuyên ngành: Kỹ thuật	1		-	0.0
							AUVI331563	K: thu thập audio-video	3		-	0.0
							BAEL340662	Nguyên tắc xử lý	4		-	0.0
							COEL330264	Nguyên tắc thu thập tin	3		-	0.0
							DACO430764	K: thu thập truy cập số	3		2014-2015-HK01	3.5
							ELCI240144	Mức độ	4		2012-2013-HK02	0.0
							ELEQ220944	Thiêu b: độ	2		2013-2014-HK02	1.7
							ELPR314163	Nguyên tắc	1		-	0.0
							ELPR320762	Thủ tục tiếp nhận	2		-	0.0
							ELSA320245	An toàn độ	2		2013-2014-HK01	3.1
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tôn giáo	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
2	12741020	HỒ QUANG	BÌNH	12741	29	5.77	GRPR314461	Thực tập thực nghiệm	2		2014-2015-HK02	0.0
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							LCOE420464	Thực tập Lễ tân thực tiễn	2		-	0.0
							LDAT420664	Thực tập truy cập số liệu	2		-	0.0
							LTES420564	Thực tập văn phòng	2		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	3.0
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2012-2013-HK01	3.2
							MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2013-2014-HK02	4.3
							MICR330363	Vật lý I	3		-	0.0
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2013-2014-HK02	4.0
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2012-2013-HK01	1.9
							PLCS330846	Nguyên lý khi làm lạnh	3		2013-2014-HK02	3.0
							PMEN310344	Thực tập kỹ thuật Lơ	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên tắc công suất	3		-	0.0
							POEP320262	Thực tập Lễ tân công suất	2		-	0.0
							PPLC321346	Thực tập Lễ tân khi làm lạnh	2		-	0.0
							PRDI320263	Thực tập kỹ thuật số	2		2013-2014-HK02	0.0
							PRMI320463	Thực tập vật lý I	2		-	0.0
							PRTE410864	Nguyên lý văn phòng	1		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
2	12741020	HUY QUANG	BÌNH	12741	29	5.77	SISY320364	Tính toán và hình thức	2		2012-2013-HK02	2.2
							TESY331064	Hình thức và tính toán	3		-	0.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	1.8
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
3	12741029	NGUYỄN CHÂU	CHUYÊN NG	12741	30	6.64	AIET314763	Chuyên ngành Tin học	1		-	0.0
							AUVI331563	K: thuật audio-video	3		2014-2015-HK01	3.6
							BAEL340662	Nguyên tắc chỉnh sửa	4		2014-2015-HK01	3.3
							COEL330264	Nguyên tắc thông tin	3		2013-2014-HK02	1.5
							DACO430764	K: thuật truy cập số liệu	3		2014-2015-HK01	4.5
							DIGI330163	K: thuật số	3		2013-2014-HK01	3.6
							ELCI240144	Mạch Logic	4		2012-2013-HK02	0.3
							ELEQ220944	Thiết bị Logic	2		2013-2014-HK02	4.8
							ELSA320245	An toàn Logic	2		2013-2014-HK01	1.7
							EMIN330244	Nguyên lý và thiết bị đo	3		-	0.0
							ENGL230237	Anh văn 2	3		2012-2013-HK02	4.7

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
3	12741029	NGUYỄN CHÂU	Chợ	12741	30	6.64	GELA220405	Pháp luật về Công	2		2012-2013-HK01	4.2
							GRPR314461	Thị trường tín dụng	2		-	0.0
							IEET130145	Nhập môn kinh tế	3		-	0.0
							LDAT420664	Thị trường chứng khoán	2		-	0.0
							LLCT150105	Những nguyên lý chính trị, kinh tế Mác-Lênin	5		2012-2013-HK02	3.8
							LTES420564	Thị trường tiền tệ	2		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	2.2
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2012-2013-HK01	2.8
							MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2012-2013-HK02	1.3
							MICR330363	Vi xử lý	3		2013-2014-HK02	4.0
							PHYS120202	Vật lý Công 2	2		2013-2014-HK01	2.2
							PHYS130102	Vật lý Công 1	3		2012-2013-HK01	1.5
							PLCS330846	Nguyên lý lập trình	3		2013-2014-HK02	4.3
							PMEN310344	Thị trường kỹ thuật	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên tắc công suất	3		2013-2014-HK02	0.5
							PPLC321346	Thị trường chứng khoán	2		-	0.0
							PRTE410864	Nguyên lý tiền tệ	1		-	0.0
							SISY320364	Tổng hợp về thống kê	2		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
3	12741029	NGUYỄN CHÂU	Chợ NG	12741	30	6.64	TESY331064	Hệ thống văn phòng	3		2014-2015-HK01	2.8
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	1.8
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
4	12741002	ĐINH NGUYỄN HUY	DUY	12741	81	6.31	BAEL340662	Nguyên tắc chôn	4		2013-2014-HK02	4.9
							COEL330264	Nguyên tắc tin	3		2013-2014-HK02	4.5
							DIGI330163	K: thuật	3		2013-2014-HK01	3.2
							ELCI240144	Mạch	4		2012-2013-HK02	2.5
							ELSA320245	An toàn	2		2013-2014-HK02	4.8
							IEET130145	Nhập môn	3		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	1.2
							PHYS130102	Vật lý	3		2012-2013-HK01	3.8
							PMEN310344	Thức ăn: thức	1		-	0.0
							PPLC321346	Thức ăn	2		-	0.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	2.5
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
5	12741168	Lê Thị N	ĐYT	12741	110	6.98	IEET130145	Nhập môn	3		-	0.0

STT	Mã SV	H ̣ v ̣ t ̣ n		T ̣ n l ̣ p	STC	TBTL	Mã MHBB	T ̣ n m ̣ n h ̣ c	TC	BBTC	NHHK	̣ TK
5	12741168	L ̣ T l ̣ N	̣ ý T	12741	110	6.98	PMEN310344	Th ̣ c t ̣ p k: thu ̣ t Lo	1		-	0.0
							02	Nh ̣ m TC 02		02		
6	12741926	TR ̣ i N NG ̣ C	̣ I ̣ P	12741	49	6.32	AUVI331563	K: thu ̣ t audio-video	3		2014-2015-HK01	0.0
							BAEL340662	̣ i ̣ n t ̣ ch b ̣ h	4		2014-2015-HK01	0.0
							COEL330264	̣ i ̣ n t ̣ th ̣ ng tin	3		2014-2015-HK02	1.8
							DIGI330163	K: thu ̣ t s ̣	3		-	0.0
							ELCI240144	M ̣ ch L ̣ n	4		2014-2015-HK01	0.0
							ELEQ220944	Thi ̣ b ̣ L ̣ n	2		2014-2015-HK02	0.9
							ELPR320762	Th ̣ c t ̣ p L ̣ n t ̣	2		-	0.0
							ELSA320245	An to ̣ n L ̣ n	2		-	0.0
							EMIN330244	̣ o l ̣ ng L ̣ n v ̣ thi ̣ b ̣ Lo	3		-	0.0
							GDQP008031	Gi ̣ o d ̣ c qu ̣ c ph, ng 1	1		-	0.0
							GDQP008032	Gi ̣ o d ̣ c qu ̣ c ph, ng 2	1		-	0.0
							GDQP008033	Gi ̣ o d ̣ c qu ̣ c ph, ng 3	2		-	0.0
							IEET130145	Nh ̣ p m ̣ n ng ̣ nh	3		-	0.0
							MATH130101	To ̣ n cao c ̣ p A1	3		-	0.0
							MATH130201	To ̣ n cao c ̣ p A2	3		-	0.0
							MICR330363	Vi x ̣ l ̣	3		2014-2015-HK02	4.3
							PHED110513	Gi ̣ o d ̣ c th ̣ ch ̣ 1	1		-	0.0
							PHED110715	Gi ̣ o d ̣ c th ̣ ch ̣ 3	1		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tôn giáo	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
6	12741926	TRẦN NGUYỄN C	Nguyễn Phú	12741	49	6.32	PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2014-2015-HK02	2.0
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2013-2014-HK02	2.5
							PLCS330846	Nguyên lý khi làm lạnh thực hành	3		2014-2015-HK02	3.5
							PMEN310344	Thủ tục tiếp xúc: thuật toán	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên lý tính toán số	3		2013-2014-HK02	0.0
							PPLC321346	Thủ tục tiếp xúc: Nguyên lý khi làm lạnh thực hành	2		-	0.0
							PRDI320263	Thủ tục tiếp xúc: thuật toán	2		-	0.0
							SISY320364	Tính hiệu suất và hiệu suất	2		2013-2014-HK02	1.0
							TESY331064	Hệ thống vận hành thực hành	3		2014-2015-HK01	0.5
							01	Nhóm TC 01		01		
7	12741058	NGUYỄN TRUNG	Huỳnh	12741	46	6.72	BAEL340662	Nguyên lý cơ bản	4		2014-2015-HK01	4.4
							DIGI330163	K: thuật toán	3		-	0.0
							ELCI240144	Mạch điện	4		-	0.0
							ELEQ220944	Thị trường điện	2		2013-2014-HK02	4.9
							ELPR320762	Thủ tục tiếp xúc: Nguyên lý	2		2013-2014-HK02	4.4
							ELSA320245	An toàn điện	2		-	0.0
							EMIN330244	Nguyên lý năng lượng và thị trường điện	3		-	0.0
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
7	12741058	NGUYỄN TRUNG	HIEU	12741	46	6.72	GDQP008031	Giáo dục quốc phòng, ng 1	1		-	0.0
							GDQP008032	Giáo dục quốc phòng, ng 2	1		-	0.0
							GDQP008033	Giáo dục quốc phòng, ng 3	2		-	0.0
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							LLCT150105	Những nguyên lý chính trị, xã hội Mác-Lênin	5		-	0.0
							LLCT230214	Nguyên lý lịch sử các đảng Cộng sản Việt Nam	3		-	0.0
							LTES420564	Thủ tục đăng ký nhập học	2		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	4.6
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2013-2014-HK01	4.2
							MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		-	0.0
							MICR330363	Vi xit li	3		2013-2014-HK02	4.0
							PHED110715	Giáo dục thể chất 3	1		-	0.0
							PHYS110302	Thuyết tương đối狭义相对论	1		-	0.0
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2014-2015-HK01	2.0
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2014-2015-HK01	2.3
							PMEN310344	Thủ tục kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên tắc công suất	3		2014-2015-HK02	3.0
							SISY320364	Tính toán và hình thức	2		2014-2015-HK02	3.0
							TESY331064	Hệ thống vận hành	3		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
7	12741058	NGUYỄN TRUNG	H1E U	12741	46	6.72	VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	2.0
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
8	12741003	NGUYỄN H. U	HOÀNG	12741	26	6.14	AIET314763	Chuyên LQTH cấp 2	1		-	0.0
							AUVI331563	K: thuật audio-video	3		2014-2015-HK01	0.5
							BAEL340662	Nguyên tắc chôn	4		2013-2014-HK01	1.6
							COEL330264	Nguyên tắc thông tin	3		2013-2014-HK02	1.8
							ELCI240144	Mức độ Lớn	4		2012-2013-HK02	3.2
							ELEQ220944	Thi đấu Lớn	2		2013-2014-HK02	2.8
							ELPR314163	Nguyên tắc Lớn	1		2014-2015-HK01	0.0
							ELPR320762	Thị trường Lớn	2		2013-2014-HK02	4.8
							ELSA320245	An toàn Lớn	2		2013-2014-HK01	3.4
							EMIN330244	Nguyên tắc Lớn và thi đấu Lo	3		-	0.0
							ENGL230237	Anh văn 2	3		2012-2013-HK02	4.7
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		-	0.0
							GELA220405	Pháp luật Lớn Công	2		2012-2013-HK01	4.9

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
8	12741003	NGUYỄN H. U	HOÀNG	12741	26	6.14	GRPR314461	Thực tập thực nghiệm	2		2014-2015-HK02	0.0
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							LCOE420464	Thực tập Lễ tân và tiếp tân	2		-	0.0
							LDAT420664	Thực tập truy cập số liệu	2		-	0.0
							LLCT230214	Thực tập thực nghiệm và phân tích thực nghiệm	3		2013-2014-HK01	3.5
							LTES420564	Thực tập văn phòng	2		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	2.4
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2012-2013-HK01	2.8
							MATH130401	Xác suất thống kê và ứng dụng	3		2012-2013-HK02	1.6
							MICR330363	Vi xử lý	3		2013-2014-HK02	4.0
							PHYS110302	Thực nghiệm và lý thuyết cơ học	1		2012-2013-HK02	2.9
							PHYS120202	Vật lý lý thuyết 2	2		2012-2013-HK02	3.2
							PHYS130102	Vật lý lý thuyết 1	3		2012-2013-HK01	3.5
							PMEN310344	Thực tập kỹ thuật Lo	1		-	0.0

							POEL330262	Nguyên lý công suất	3		2013-2014-HK02	0.0
							PPLC321346	Thực tập Lý thuyết khi vận hành	2		-	0.0
							PRDI320263	Thực tập kỹ thuật số	2		2013-2014-HK02	3.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
8	12741003	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	12741	26	6.14	PRMI320463	Thực tập vị trí lễ	2		2014-2015-HK01	0.0
							PRTE410864	Thực tập vị trí ngành	1		-	0.0
							SISY320364	Tư vấn học vấn hướng nghiệp	2		2012-2013-HK02	0.7
							TESY331064	Hướng nghiệp vị trí ngành	3		2014-2015-HK01	0.8
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	2.0
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
9	12741004	NGUYỄN THỊ	HỒNG	12741	81	6.32	BAEL340662	Nguyên tắc chắp vá	4		2014-2015-HK02	3.9
							COEL330264	Nguyên tắc thông tin	3		2013-2014-HK02	4.0
							ELCI240144	Mức độ Lỗi	4		2012-2013-HK02	2.9
							ELSA320245	An toàn Lỗi	2		2014-2015-HK02	2.8
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	3.7
							PHED110715	Giáo dục thể chất 3	1		2013-2014-HK01	4.0
							PHYS130102	Vật lý Lượng 1	3		2012-2013-HK01	2.8
							PLCS330846	Nguyên lý lập trình	3		2013-2014-HK	4.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
9	12741004	NGUYỄN THỊ	HÓA NG	12741	81	6.32	PMEN310344	Thí nghiệm kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							PPLC321346	Thí nghiệm Lập trình PLC khi vận hành	2		-	0.0
							SISY320364	Tính hiệu suất và hiệu năng	2		2012-2013-HK02	0.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	3.4
							02	Nhóm TC 02		02		
10	12741928	LÊ HOÀNG	HƯNG	12741	91	6.51	BAEL340662	Nguyên lý cơ bản	4		2014-2015-HK01	4.4
							DIGI330163	Kỹ thuật số	3		2014-2015-HK01	4.8
							ELCI240144	Mạch Logic	4		2014-2015-HK02	0.0
							GDQP008031	Giáo dục quốc phòng 1	1		-	0.0
							GDQP008032	Giáo dục quốc phòng 2	1		-	0.0
							GDQP008033	Giáo dục quốc phòng 3	2		-	0.0
							IEET130145	Nhập môn tiếng Anh	3		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2013-2014-HK02	2.5
							PMEN310344	Thí nghiệm kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							POEP320262	Thí nghiệm Nguyên lý cơ sở của sự sống	2		2013-2014-HK02	0.0
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
11	12741072	TRẦN XUÂN	HÓA NG	12741	65	6.36	AUVI331563	Kỹ thuật audio-video	3		2014-2015-HK01	3.7
							BAEL340662	Nguyên lý cơ bản	4		2013-2014-HK02	3.7

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
11	12741072	TRẦN XUÂN	Hh NG	12741	65	6.36	ELCI240144	Mạch Điện	4		2012-2013-HK02	1.0
							ELEQ220944	Thị trường Điện	2		2013-2014-HK02	3.8
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		2013-2014-HK01	4.4
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	1.9
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2012-2013-HK01	2.9
							MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2012-2013-HK02	4.3
							MICR330363	Vi xử lý	3		2013-2014-HK02	3.0
							PHYS110302	Thuyết tương đối狭义相对论	1		2012-2013-HK02	3.5
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2012-2013-HK02	3.6
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2014-2015-HK02	4.5
							PLCS330846	Nguyên lý lập trình	3		2013-2014-HK02	4.0
							PMEN310344	Thủ tục kỹ thuật	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên tắc công nghệ	3		2014-2015-HK02	3.4

STT	Mã SV	Họ và tên		Tôn giáo	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
11	12741072	TRẦN XUÂN	Hh NG	12741	65	6.36	POEP320262	Thực tập Lễ nghi sư phạm	2		2013-2014-HK02	3.0
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	3.2
							02	Nhóm TC 02		02		
12	12741011	NGUYỄN XUÂN	Hh NG	12741	59	6.40	AUVI331563	K: thuật audio-video	3		2014-2015-HK01	4.3
							BAEL340662	Nguyên tắc chỉnh lý	4		2014-2015-HK02	2.5
							COEL330264	Nguyên tắc thông tin	3		2013-2014-HK02	2.0
							ELCI240144	Mức Lễ	4		2012-2013-HK02	2.8
							ELSA320245	An toàn Lễ	2		2013-2014-HK02	4.8
							IEET130145	Nhập môn nghiên cứu	3		-	0.0
							LTES420564	Thực tập văn hóa	2		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	3.4
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2012-2013-HK01	3.8
							MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2014-2015-HK02	4.3
							MICR330363	Vi xử lý	3		2013-2014-HK02	4.0
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2012-2013-HK01	2.5

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
12	12741011	NGUYỄN XUÂN	Hh ₂ NG	12741	59	6.40	PLCS330846	Nguyên lý lập trình	3		2013-2014-HK02	1.8
							PMEN310344	Thủ tục kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên tắc công suất	3		2014-2015-HK02	3.3
							POEP320262	Thủ tục Lập trình công suất	2		2013-2014-HK02	4.0
							SISY320364	Trình hiểu và hình thức	2		2012-2013-HK02	2.2
							TESY331064	Hình thức và tính toán	3		2014-2015-HK01	3.8
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2012-2013-HK01	2.5
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
13	12741082	NGUYỄN THỊ PHẠM NG	LINH	12741	110	6.92	IEET130145	Nhóm môn nghiên cứu	3		-	0.0
							PMEN310344	Thủ tục kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
14	12741933	LÊ ANH	MINH	12741	0	0.00	AIET314763	Chuyên ngành Kỹ thuật	1		-	0.0
							AUVI331563	K: thuật audio-video	3		2014-2015-HK01	0.0
							BAEL340662	Nguyên tắc chuyển đổi	4		-	0.0
							COEL330264	Nguyên tắc thông tin	3		-	0.0
							DACO430764	K: thuật truy cập số liệu	3		2014-2015-HK01	0.0
							DIGI330163	K: thuật số	3		-	0.0
							ELCI240144	Mạch Logic	4		-	0.0
							ELEQ220944	Thiết bị Logic	2		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
14	12741933	LÊ ANH	MINH	12741	0	0.00	ELPR210644	Thí nghiệm 1	1		-	0.0
							ELPR314163	Nguyên lý	1		2014-2015-HK01	0.0
							ELPR320762	Thí nghiệm	2		-	0.0
							ELSA320245	An toàn	2		-	0.0
							EMIN330244	Nguyên lý và thí nghiệm	3		-	0.0
							ENGL130137	Anh Văn 1	3		-	0.0
							ENGL230237	Anh Văn 2	3		-	0.0
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		-	0.0
							GDQP008031	Giáo dục quốc phòng 1	1		-	0.0
							GDQP008032	Giáo dục quốc phòng 2	1		-	0.0
							GDQP008033	Giáo dục quốc phòng 3	2		-	0.0
							GELA220405	Pháp luật và Công	2		-	0.0
							GRPR314461	Thí nghiệm tổng hợp	2		2014-2015-HK02	0.0
							IEET130145	Nhập môn kinh	3		-	0.0
							LCOE420464	Thí nghiệm thí nghiệm tin	2		-	0.0
							LDAT420664	Thí nghiệm thực hành	2		-	0.0
							LLCT120314	Tổng hợp Hóa học 2 Minh	2		-	0.0
							LLCT150105	Những nguyên lý cơ bản của ngành M&C-L&N	5		-	0.0
							LLCT230214	Nguyên lý cơ sở của ngành Công nghệ Vật liệu Nam	3		-	0.0
							LTES420564	Thí nghiệm vật lý	2		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		-	0.0
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		-	0.0
							MATH130401	Xác suất thống kê và ứng dụng	3		-	0.0
							MICR330363	Vật lý	3		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tôn giáo	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
14	12741933	LÊ ANH	MINH	12741	0	0.00	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1		-	0.0
							PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1		-	0.0
							PHED110715	Giáo dục thể chất 3	1		-	0.0
							PHYS110302	Thí nghiệm vật lý cơ bản	1		-	0.0
							PHYS120202	Vật lý cơ bản 2	2		-	0.0
							PHYS130102	Vật lý cơ bản 1	3		-	0.0
							PLCS330846	Nguyên lý lập trình	3		-	0.0
							PMEN310344	Thủ tục: thuật toán	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên tắc lập trình	3		-	0.0
							POEP320262	Thủ tục lập trình	2		-	0.0
							PPLC321346	Thủ tục lập trình	2		-	0.0
							PRDI320263	Thủ tục: thuật toán	2		-	0.0
							PRMI320463	Thủ tục xử lý	2		2014-2015-HK01	0.0
							PRTE410864	Nguyên lý vật lý	1		-	0.0
							SISY320364	Thí nghiệm vật lý	2		-	0.0
							TESY331064	Thí nghiệm vật lý	3		2014-2015-HK01	3.0
15	12741089	TRẦN THỊ THU	NGÂN	12741	110	7.09	IEET130145	Nhóm môn học	3		-	0.0
							PMEN310344	Thủ tục: thuật toán	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
16	12741093	VĂN TỰ N	NGUYỄN C	12741	39	6.45	AIET314763	Chuyên đề Kỹ thuật	1		-	0.0
							AUVI331563	Kỹ thuật audio-video	3		2014-2015-HK01	3.3
							BAEL340662	Nguyên tắc xây dựng	4		-	0.0

STT	Mã SV	H ̣ v ̣ t ̣ n		T ̣ n l ̣ p	STC	TBTL	Mã MHBB	T ̣ n m ̣ n h ̣ c	TC	BBTC	NHHK	̣ TK
16	12741093	Vê TUr N	NG ̣ C	12741	39	6.45	COEL330264	̣ i ̣ n t ̣ th ̣ ng tin	3		2014-2015-HK02	0.0
							DACO430764	K: thu ̣ truy ̣ s ̣ l ̣ u	3		2014-2015-HK01	4.5
							DIGI330163	K: thu ̣ s ̣	3		2014-2015-HK01	0.0
							ELCI240144	M ̣ ch L ̣ n	4		2014-2015-HK01	4.5
							ELEQ220944	Thi ̣ b ̣ L ̣ n	2		-	0.0
							ELSA320245	An to ̣ n L ̣ n	2		2013-2014-HK01	0.3
							EMIN330244	̣ o l ̣ ng L ̣ n v ̣ thi ̣ b ̣ Lo	3		-	0.0
							ENGL330337	Anh V ̣ n 3	3		2013-2014-HK01	4.6
							GRPR314461	Th ̣ c t ̣ p t ̣ t nghi ̣ p	2		2014-2015-HK02	0.0
							IEET130145	Nh ̣ p m ̣ n ng ̣ nh	3		-	0.0
							LDAT420664	Th ̣ c t ̣ p truy ̣ s ̣ l ̣ u	2		-	0.0
							LLCT120314	T ̣ ̣ ng H ̣ Ch ̣ Minh	2		2013-2014-HK01	4.5
							LTES420564	Th ̣ c t ̣ p v ̣ n th ̣ ng	2		-	0.0
							MATH130201	To ̣ n cao c ̣ p A2	3		2012-2013-HK01	4.2
							MICR330363	Vi x ̣ l ̣	3		2014-2015-HK02	0.0
							PHYS120202	V ̣ l ̣ L ̣ c ̣ ng 2	2		2012-2013-HK02	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
16	12741093	Vê TỰ N	NGUYỄN C	12741	39	6.45	PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2012-2013-HK01	2.5
							PLCS330846	Nguyên lý khi làm việc	3		-	0.0
							PMEN310344	Thủ tục kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							POEL330262	Nguyên lý tính toán	3		-	0.0
							POEP320262	Thủ tục tính toán	2		-	0.0
							PPLC321346	Thủ tục Liều lượng khi làm việc	2		-	0.0
							PRTE410864	Nguyên lý vận hành	1		-	0.0
							SISY320364	Tính hiệu suất học tập	2		2012-2013-HK02	0.0
							TESY331064	Hệ thống vận hành	3		2014-2015-HK01	0.0
							VBPR131085	Làm việc Visual Basic	3		2012-2013-HK01	2.0
17	12741103	Vũ HUY NG	PHONG	12741	110	6.45	01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		
18	12741108	NGUYỄN XUÂN	PHẠM NG	12741	101	6.70	IEET130145	Nhập môn ngôn ngữ	3		-	0.0
							PMEN310344	Thủ tục kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
							ENGL230237	Anh văn 2	3		2012-2013-HK02	4.5
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		2013-2014-HK01	4.7
							IEET130145	Nhập môn ngôn ngữ	3		-	0.0
							PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1		2014-2015-HK01	0.0
							PMEN310344	Thủ tục kỹ thuật Lo	1		-	0.0

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	ĐTK
18	12741108	NGUYỄN XUÂN	PHẦN NG	12741	101	6.70	VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2014-2015-HK02	4.7
							02	Nhóm TC 02		02		
19	12741110	HỒ THỊ NH	PHẦN NG	12741	108	6.84	ELSA320245	An toàn Lửa	2		2014-2015-HK02	3.5
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							PMEN310344	Thức tập kỹ thuật	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
20	12741112	TỶ THỊ THANH	QUANG	12741	106	7.07	ELCI240144	Mức Lửa	4		2012-2013-HK02	2.2
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							PMEN310344	Thức tập kỹ thuật	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
21	12741115	LÊ	QUÂN	12741	110	7.36	IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							PMEN310344	Thức tập kỹ thuật	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
22	12741007	TƯỜNG HOANG TRẦN	QUYÊN	12741	110	6.31	IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							PMEN310344	Thức tập kỹ thuật	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
23	12741905	VỊ TH	SUN	12741	97	6.37	ELPR210644	Thức tập	1		-	0.0
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		2013-2014-HK01	4.7
							IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2012-2013-HK01	2.9
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2014-2015-HK02	4.3

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
23	12741905	VI THẾ	Sư N	12741	97	6.37	MATH130401	Xác suất thống kê ứng dụng	3		2013-2014-HK02	4.3
							PMEN310344	Thị c tiếp k: thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
24	12741123	Nguyễn U ANH	TÂM	12741	110	7.17	IEET130145	Nhập môn ngôn ngữ	3		-	0.0
							PMEN310344	Thị c tiếp k: thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
25	12741009	NGUYỄN VIỆT N	TIẾN N	12741	110	6.80	IEET130145	Nhập môn ngôn ngữ	3		-	0.0
							PMEN310344	Thị c tiếp k: thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
26	12741128	Lê Nguyễn C	THÁI NG	12741	103	6.59	ELSA320245	An toàn Lối đi	2		2013-2014-HK01	3.3
							IEET130145	Nhập môn ngôn ngữ	3		-	0.0
							PHYS120202	Vật lý Lượng tử 2	2		2012-2013-HK02	4.4
							PHYS130102	Vật lý Lượng tử 1	3		2012-2013-HK01	4.6
							PMEN310344	Thị c tiếp k: thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
27	12741008	NGUYỄN DUY	THÔNG	12741	110	6.56	IEET130145	Nhập môn ngôn ngữ	3		-	0.0
							PMEN310344	Thị c tiếp k: thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
28	12741010	PHẠM THỊ THUY	TRÂM	12741	96	6.39	AUVI331563	K: thuật audio-video	3		-	0.0
							IEET130145	Nhập môn ngôn ngữ	3		-	0.0
							MATH130101	Toán cao cấp A1	3		2014-2015-HK02	4.5
							MATH130201	Toán cao cấp A2	3		2014-2015-HK02	4.5

STT	Mã SV	Họ và tên		Tôn giáo	STC	TBTL	Mã MHBB	Tên môn học	TC	BBTC	NHHK	Điểm TK
28	12741010	PHỖ M THỊ THÈ Y	TRÂM	12741	96	6.39	PMEN310344	Thực tập kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							SISY320364	Tư vấn và hướng dẫn	2		2014-2015-HK02	4.8
							VBPR131085	Lập trình Visual Basic	3		2014-2015-HK02	4.5
							02	Nhóm TC 02		02		
29	12741160	PHỖ M THANH	VĨ T	12741	110	7.84	IEET130145	Nhập môn ngành	3		-	0.0
							PMEN310344	Thực tập kỹ thuật Lo	1		-	0.0
							02	Nhóm TC 02		02		
30	12741917	LÊ C HOÊ NG	Vê	12741	11	6.13	AIET314763	Chuyên LQ thực tế	1		-	0.0
							AUVI331563	Kỹ thuật audio-video	3		-	0.0
							BAEL340662	Nguyên tắc chế biến	4		-	0.0
							COEL330264	Nguyên tắc thông tin	3		-	0.0
							DACO430764	Kỹ thuật truy cập số liệu	3		-	0.0
							ELCI240144	Mạch Điện	4		-	0.0
							ELEQ220944	Thiết bị Điện	2		2013-2014-HK02	4.4
							ELPR210644	Thị trường Điện	1		-	0.0
							ELPR314163	Nguyên lý Điện	1		-	0.0
							ELPR320762	Thực tập Điện	2		-	0.0
							EMIN330244	Nguyên lý và thiết bị Lo	3		-	0.0
							ENGL130137	Anh Văn 1	3		-	0.0
							ENGL230237	Anh Văn 2	3		-	0.0
							ENGL330337	Anh Văn 3	3		-	0.0
							GDQP008031	Giáo dục quốc phòng 1	1		-	0.0
							GDQP008032	Giáo dục quốc phòng 2	1		-	0.0
							GDQP008033	Giáo dục quốc phòng 3	2		-	0.0
							GELA220405	Pháp luật và Công	2		-	0.0
							GRPR314461	Thực tập thực nghiệm	2		-	0.0

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	n TK
30	12741917	L C HOê NG	Vê	12741	11	6.13	IEET130145	Nh đp m n ng nh	3		-	0.0
							LCOE420464	Th c tđp Li n t th ng tin	2		-	0.0
							LDAT420664	Th c tđp truy s li u	2		-	0.0
							LLCT120314	T t ng H Ch Minh	2		-	0.0
							LLCT150105	Nh ng nguy n l ch b n ch ngh M sc- L nin	5		-	0.0
							LLCT230214	n ng l i c sch m ng c a n ng C ng s n Vi t Nam	3		-	0.0
							LTES420564	Th c tđp vi n th ng	2		-	0.0
							MATH13010 1	To n cao c p A1	3		-	0.0
							MATH13020 1	To n cao c p A2	3		-	0.0
							MICR330363	Vi x l l	3		-	0.0
							PHED110513	Gi so d c th Wch l 1	1		-	0.0
							PHED110613	Gi so d c th Wch l 2	1		-	0.0
							PHED110715	Gi so d c th Wch l 3	1		-	0.0
							PHYS110302	Th ng hi m v t l l c ng	1		-	0.0
							PHYS120202	V t l l c ng 2	2		-	0.0
							PHYS130102	V t l l c ng 1	3		2014- 2015- HK02	3.5
							PLCS330846	n i Q khi W l p tr nh	3		-	0.0
							PMEN310344	Th c tđp k: thu t Lo	1		-	0.0
							POEL330262	n i n t c ng su l l	3		2014- 2015- HK02	2.3
							POEP320262	Th c tđp Li n t c ng su l l	2		-	0.0
							PPLC321346	Th c tđp Li Q khi W l p tr nh	2		-	0.0
							PRDI320263	Th c tđp k: thu t s '	2		-	0.0
							PRMI320463	Th c tđp vi x l l	2		-	0.0
							PRTE410864	n ² n vi n th ng	1		-	0.0
							SISY320364	T n hi u v h th ng	2		-	0.0

STT	Mã SV	H v t n		T n l p	STC	TBTL	Mã MHBB	T n m n h c	TC	BBTC	NHHK	n TK
30	12741917	L, C HOê NG	Vê	12741	11	6.13	TESY331064	H th ng v n th ng	3		-	0.0
							01	Nhóm TC 01		01		
							02	Nhóm TC 02		02		

Ghi chú: BBTC = T h p nh m MH b bu, c t ch n ch t ch l y
L c

Nhóm TC 01 : 4 TC (Min)

GEEC220105 Kinh t h c L c ng (Ng nh ngo i kinh t) 2

INMA220305 Nh p m n qu n tr h c 2

INSO321005 Nh p m n x h, i h c 2

IQMA220205 Nh p m n qu n tr ch l c ng 2

PLSK320605 K: n ng x y d ng k ho ch 2

Nhóm TC 02 : 5 TC (Min)

GRES314363 Ti lu n t t nghi p (C - n T TT) 3

GRPR404863 Kh a lu n t t nghi p (C - n T TT) 5

GRTO314263 Chuy n L Q t nghi p (C - n T TT) 2